

Điều 3.2 – Số phân định ứng dụng GS1 xếp theo thứ tự (*GS1 Application Identifiers in numerical order*)

Sửa chú thích (***) của bảng số phân định ứng dụng GS1:

Tất cả các chuỗi (string) phần tử GS1 bắt đầu bằng số Phân định Ứng dụng không chứa trong bảng định trước ở Hình 5.10.1-2 thì PHẢI được tách biệt bởi ký tự phân tách trừ khi chuỗi phần tử này là chuỗi cuối cùng để mã hóa trong mã vạch. Xem chi tiết về ký tự phân tách ở Điều 7.8.3. <xóa câu cuối>

Điều 4.14 – Các quy tắc diễn giải người có thể đọc (HRI) (*Human readable interpretation (HRI) rules*)

Các quy tắc về phần diễn giải người có thể đọc được cung cấp để tiêu chuẩn hóa các yêu cầu về in và để tạo thuận lợi cho việc đào tạo cán bộ về cách xử lý các loại mã vạch GS1 AIDC bị lỗi không đọc hay không quét được...

Thêm chú thích thứ 3: Các quy tắc giải nghĩa người có thể đọc đối với mã vạch EAN/UPC và mã vạch phụ thêm được giải thích trong phần 5.2.3 Phần giải nghĩa người có thể đọc.

Sửa quy tắc 6 xóa chữ "FNC1" và nội dung thành:

HRI PHẢI được giới hạn tới các chuỗi (string) phần tử và sẽ không bao gồm bộ mang dữ liệu AIDC GS1 dẫn đầu như các ký tự phân tách FNC1.

Bổ sung thêm vào quy tắc 8: như phần tiêu đề tùy chọn non-HRI, tiêu đề dữ liệu (xem phần 3.2) có thể được liên kết với dữ liệu thay vì sử dụng số AI. Xem hình 4.14-1 cho thấy ngày hết hạn và số lô được xác định với phần tiêu đề non-HRI và trong cùng một con số thể hiện cùng một dữ liệu bằng cách sử dụng tất cả các Định dạng AI. Các thể hiện này có thể được sử dụng với tất cả các vật mang dữ liệu của GS1 AIDC sử dụng GS1 AI, trừ mã vạch GS1-128.

Bổ sung quy tắc 9: Đối với các mã vạch (mã vạch hỗn hợp, ma trận dữ liệu GS1) mã hóa lượng dữ liệu lớn, có thể không thực tế khi thể hiện tất cả dữ liệu dạng diễn giải người có thể đọc hoặc thậm chí nếu có khoảng trống để thể hiện mã vạch dạng này, có thể không thực tế khi nhập lượng dữ liệu nhiều như vậy. Trong trường hợp này, có thể bỏ qua một vài dữ liệu từ phần

diễn giải người có thể đọc. Tuy nhiên, phải luôn chỉ ra dữ liệu phân định chính (các khóa của Hệ thống GS1) như GTIN, GDTI. Quy định kĩ thuật về ứng dụng cung cấp hướng dẫn về phần diễn giải người có thể đọc,

Điều 5.4.3.7 – Các mẫu bắt đầu hệ mã vạch GS1-128 (*GS1-128 symbology start pattern*)

Sửa đoạn 3 thành:

Ký tự mã vạch Chức năng 1 (FNC1) có thể là ký tự kiểm tra mã vạch (ít hơn 1% trường hợp). Nó cũng được sử dụng làm ký tự phân tách, khi phù hợp, nếu các chuỗi (string) phần tử được nối vào trong một mã vạch đơn lẻ.

Điều 5.5.3.3.10.4 – Hệ mã vạch GS1-128 (*GS1-128 symbology*)

Sửa gạch đầu dòng 2 thành:

Sử dụng FNC1 hay ký tự điều khiển <GS> (ASCII giá trị 29 (thập phân), 1D (thập lục phân) làm ký tự phân tách theo sau chuỗi yếu tố có chiều dài không định trước.

Điều 5.7.2 – Các tính năng và mã vạch cơ bản cho GS1 Datamatrix (*GS1 DataMatrix features and symbol basics*)

Sửa gạch đầu dòng 8 thành:

FNC1 tương thích cho hệ thống GS1 PHẢI được mã hóa tại điểm bắt đầu chuỗi dữ liệu. Khi một ký tự phân tách cần có tại điểm cuối của chuỗi (string) phần tử, hoặc ký tự FNC1 hoặc ký tự điều khiển <GS> (ASCII giá trị 29 (thập phân), 1D (thập lục phân)) PHẢI được sử dụng và PHẢI được thể hiện trong thông điệp đã truyền bằng ký tự điều khiển <GS> (ASCII giá trị 29 (thập phân), 1D (thập lục phân)).

Điều 5.7.3.7 bỏ đoạn 2.

Điều 5.8.1.1 – Đặc điểm hệ mã vạch tổ hợp (*Composite symbology characteristics*)

Sửa gạch đầu dòng con 2 của gạch đầu dòng 1 thành:

Ký tự mã vạch chức năng 1 và ký tự phân tách mã vạch.

Điều 5.8.2: Bỏ đoạn 2 và đoạn 3.

Điều 5.8.4.1 – Chế độ truyền mặc định (*Default transmission mode*)

Sửa đoạn cuối:

Truyền dữ liệu theo các quy tắc tương tự áp dụng cho việc ghép nối các chuỗi (string) phần tử GS1 AI từ các mã vạch GS1-128. Nếu dữ liệu thành phần tuyến tính kết thúc với một chuỗi (string) phần tử AI chiều dài biến đổi, ký tự điều khiển <GS> > (ASCII giá trị 29 (thập phân), 1D (thập lục phân)) được chèn vào giữa nó và ký tự đầu tiên của dữ liệu từ thành phần tổ hợp 2D.

Điều 5.10.1 – Chế độ truyền mặc định (*Default transmission mode*)

Sửa đoạn 3:

Các chuỗi (string) phần tử khác nhau (được truyền từ các mã vạch đã ghép nối) phải được phân tích và xử lý. Tất cả chuỗi phần tử này cần được phân tách bằng một ký tự phân tách trừ khi chúng có chiều dài định trước hoặc xuất hiện tại cuối mã vạch (được mã hóa ngay trước ký tự kiểm tra mã vạch). Tất cả chuỗi phần tử có chiều dài định trước được nêu trong Hình 5.10.1-2 **<xóa các câu tiếp theo của đoạn>**.

Ký tự phân tách PHẢI là ký tự FNC1 hoặc ký tự điều khiển <GS> (ASCII giá trị 29 (thập phân), 1D (thập lục phân)) hoặc trong trường hợp hệ mã vạch mã GS1 QR thì ký tự điều khiển <GS> hoặc ký tự '%' (ASCII giá trị 37 (thập phân), 25 (thập lục phân)) Hình 5.10.1-2 nêu tất cả chuỗi phần tử có chiều dài định trước và, do đó, KHÔNG ĐƯỢC kết thúc bằng ký tự phân tách **<xóa các câu tiếp theo của đoạn>**.

Hình 5.10.1-2 nêu tất cả các chuỗi yếu tố có chiều dài định trước và vì thế PHẢI không được kết thúc bằng một ký tự phân tách.

Điều 5.10.2.1 – Các chuỗi yếu tố có chiều dài định trước:

Sửa đoạn 1 và 2: Các chuỗi yếu tố kết nối có cấu trúc từ các GS1 AI với chiều dài định trước PHẢI không được sử dụng ký tự phân tách theo sau chuỗi yếu tố có độ dài định trước. Mỗi chuỗi yếu tố được theo sau ngay lập tức bởi GS1AI tiếp theo hoặc bởi ký tự kiểm tra mã vạch và ký tự kết thúc. Ví dụ: sự kết nối trọng lượng tịnh (4.00 kg) với GTIN liên quan 95012345678903 PHẢI không được bao gồm sự sử dụng ký tự phân tách.

Điều 5.10.2.2 – Các chuỗi yếu tố có chiều dài không định trước (*Non-predefined length strings*)

Sửa phù hợp với GSCN 15-306:

Điều 5.10.2.3 – Các cân nhắc khác khi sử dụng ghép nối (*Other considerations when using concatenation*)

Sửa phù hợp với GSCN 15-306:

Điều 7.8.2 – Các chuỗi phần tử có chiều dài định trước sử dụng GS1 AI (*Element strings with pre-defined lengths using Application Identifiers*)

Sửa phù hợp với GSCN 15-306:

Điều 7.8.3 – ký tự phân tách và giá trị của nó (*The value of the decoded separator character*)

Sửa phù hợp với GSCN 15-306: